

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Đại diện là ông: Nguyễn Hữu Hưởng Chức vụ: Giám đốc Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tài khoản: 3207216868 Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mã số thuế: 0100100417-069 E-mail: p15.hppc@gmail.com Điện thoại: 02253515180
E-ĐKC 1.7	Công trình: Cải tạo mạch vòng 35kV, 22kV sau các TBA 110kV Lưu Kiếm và TBA 110kV Thủy Nguyên 1 để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 2025.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm: Phường Bạch Đằng và Nam Triệu – Thành Phố Hải Phòng
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 90 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 90 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Ngày khởi công là: Nhà thầu có thể tiến hành thi công ngay sau khi được bàn giao chính thức mặt bằng
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i>
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án - Tư vấn giám sát là: Chủ đầu tư giám sát theo hình thức tự thực hiện
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng
E-ĐKC 2.3(i)	- Hồ sơ thiết kế, các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn (trong vòng 150 ngày kể từ ngày phát hành) và Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng cuối cùng. - Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không

	hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng cuối cùng
E-ĐKC 8.2(d)	- Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	- Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường.
E-ĐKC 8.11	- Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 01 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	- Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không yêu cầu
E-ĐKC 19.1	- Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu. - Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển tới chân công trình.
E-ĐKC 20.1(a)	- Thời gian bảo hành công trình 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	- Thông tin về Công trường là: Phường Bạch Đằng và Nam Triệu - Thành phố Hải Phòng
E-ĐKC 24	- Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 27.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thỏa thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh. - Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do 2 bên thỏa thuận vào khi tranh chấp phát sinh) tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Toà án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng. - Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.

	- Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i>. - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến]</i>.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày/ 1 lần - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 130.000.000 VNĐ <i>(tính bằng 3% giá trị gói thầu được duyệt)</i>.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: (Chủ đầu tư chứng kiến lấy mẫu) Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi giao hàng và nhận hàng như sau: Hàng hoá cung cấp theo hợp đồng phải được Bên A kiểm tra và nghiệm thu, tất cả hàng hoá phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng và hồ sơ mời thầu. - Trong quá trình kiểm tra, thí nghiệm và nghiệm thu, nếu bất kỳ một chủng loại hàng hóa không đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Bảng thông số kỹ thuật kèm theo Hợp đồng thì Bên A có quyền loại bỏ một phần hoặc cả lô hàng đó và Bên B có trách nhiệm thay thế lô hàng đó bằng lô hàng mới đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm thay thế lô hàng không đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng trong vòng 07 ngày làm việc, trong trường hợp Bên B không đáp ứng được việc cung cấp lại hàng hoá thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và tìm nhà cung cấp hàng hoá khác theo đúng chủng loại hàng hoá này để mua, khi đó Bên B phải chịu trách nhiệm về các khoản tiền chênh lệch về đơn giá và các chi phí khác liên quan đến hàng hoá phải thay đổi đó. Việc chậm tiến độ Bên B phải chịu phạt hợp đồng theo quy định của Hợp đồng. - Các chi phí thí nghiệm nghiệm thu đã nằm trong đơn giá hợp đồng. - Các bước thử nghiệm cần thiết trước khi giao hàng (thử nghiệm mẫu): * <u>Đối với cách điện:</u> - Khi bàn giao hàng hoá các lô cách điện Polymer, cách điện gồm phải có đủ các thử nghiệm xuất xưởng. Thử nghiệm mẫu được thử nghiệm tại Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập khác thực hiện với các hạng mục bắt buộc sau:

Vật liệu cách điện		Thủy tinh	Sứ gốm	Polymer
Hạng mục thử				
- Kiểm tra khuyết tật bề mặt		x	x	x
- Đo chiều dài dòng rò		x	x	x
- Thử nghiệm điện áp chịu xung sét		x	x	x
- Thử nghiệm điện áp đánh thủng		x	x	x
- Thử nghiệm phóng điện khô		x	x	x
- Thử nghiệm phóng điện ướt		x	x	x
- Thử nghiệm sốc nhiệt		x		
- Đo chiều dày lớp mạ của phần kim loại, phụ kiện mạ		x	x	x
Ghi chú: + Số lượng lấy mẫu thử nghiệm đối với cách điện được quy định như sau:				
Số lượng mỗi chủng loại cách điện	Đơn vị tính	Số lượng lấy mẫu	Ghi chú	
Dưới 100	Không yêu cầu lấy mẫu			
Từ 100 đến 300	- Đối với cách điện đứng, cách điện polymer tính theo cái - Đối với cách điện chuỗi tính theo bát	3 (5)	Cách điện đứng, polymer lấy 3 cái. Cách điện chuỗi lấy 5 bát	
Từ trên 300 đến 2000		7		
Từ trên 2000 đến 5000		12		
Từ trên 5000 đến 10000		18		
Trên 10000		24		
+ Các mẫu thử nghiệm đạt tiêu chuẩn sẽ chỉ lưu mỗi chủng loại 01 mẫu duy nhất. Số còn lại hoàn trả cho đơn vị mua sắm sau khi dán tem thử nghiệm để tiếp tục sử dụng cho dự án, hoặc để lưu trữ, đối chiếu với sản phẩm lắp đặt thực tế trên lưới. - Sau khi lấy mẫu và niêm phong đúng theo quy định, có thể tiến hành việc vận chuyển và giao nhận tạm thời đến kho/công trình của Công ty Điện lực Hải Phòng Việc giao nhận chính thức, bóc gỡ niêm phong, bàn giao cho				

đơn vị thí công chỉ được tiến hành sau khi có thông báo thí nghiệm đạt yêu cầu của đơn vị thí nghiệm (ETC).

- Trường hợp thí nghiệm không đạt yêu cầu thì toàn bộ hàng hóa chủng loại đó phải được bên nhận thầu thay thế và các bên tiến hành lấy mẫu thử nghiệm xác suất lại từ đầu đối với mặt hàng thay thế. Đối với nhà thầu thiếu năng lực hoặc chây ỳ trong việc thay thế hàng hóa kém chất lượng, có thể xem xét hủy bỏ hợp đồng theo quy định.

- Trước khi bàn giao hàng hoá cho từng đợt giao hàng, bên nhận thầu mời đại diện Công ty Điện lực Hải Phòng đến chứng kiến lấy mẫu thí nghiệm cách điện và kiểm tra thử nghiệm hàng hóa tại xưởng cùng hồ sơ vật tư thiết bị đầu vào đảm bảo toàn bộ hàng hóa đúng nguồn gốc xuất xứ đã được quy định trong hợp đồng này. Việc kiểm tra này sẽ tiến hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư và tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng. Kết quả kiểm tra chỉ nhằm mục đích xác nhận hàng hóa đã được sản xuất hoàn thành, thỏa mãn các yêu cầu và sẵn sàng để giao cho Chủ đầu tư mà không làm giảm trừ nghĩa vụ bảo hành cũng như trách nhiệm của Nhà thầu đối với hàng hóa trong quá trình bàn giao và đưa vào sử dụng sau đó theo quy định của hợp đồng. Sau khi có biên bản kiểm tra nêu trên, Chủ đầu tư sẽ căn cứ và biên bản này đưa ra những quyết định công bằng, phù hợp với quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên, cụ thể như sau:

+ Trường hợp kết quả cho thấy các thông số kỹ thuật của hàng hóa đạt hoặc tốt hơn các thông số kỹ thuật cam kết trong HSDT cũng như trong quy định của hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ chấp nhận nghiệm thu lô hàng và cho phép Bên B tiến hành các thủ tục cần thiết để giao hàng theo hợp đồng.

+ Trường hợp kết quả cho thấy thông số không đạt các giá trị cam kết trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối nghiệm thu toàn bộ lô hàng, nhà thầu phải tiến hành các biện pháp để sửa chữa, khắc phục hàng hóa và mời Chủ đầu tư nghiệm thu lại. Nếu do việc khắc phục này mà Nhà thầu chậm giao hàng, Nhà thầu vẫn sẽ phải chịu phạt do chậm tiến độ được quy định cụ thể trong hợp đồng này.

*** Đối với chống sét van trung thế**

- Số lượng lấy mẫu khi giao hàng:

+ 10% số lượng mua sắm đối với các loại chống sét lắp đặt trên đường dây trung/cao áp, TBA trung gian và phân phối. Tối thiểu phải chọn 01 đơn vị (quả, cái) cho mỗi chủng loại chống sét.

+ Các mẫu phải được thí nghiệm bởi Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Bắc.

- Hạng mục bắt buộc: Thử nghiệm xung sét và đo điện áp dư.

*** Đối với dây và cáp các loại:**

- Thử nghiệm xuất xưởng (thử nghiệm bước 1): Trước khi bàn giao

hàng hoá cho từng đợt giao hàng, bên nhận thầu mời đại diện Công ty Điện lực Hải Phòng đến chứng kiến thử nghiệm xuất xưởng. Các nội dung thử nghiệm xuất xưởng cho lô sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành tương đương

- Thử nghiệm mẫu tại ETC1 (thử nghiệm bước 2):

Trước khi bàn giao hàng hoá tại công trường, trên cơ sở hàng hóa cung cấp cho từng đợt đã được nhà thầu tập kết 100%, Nhà thầu và đơn vị thử nghiệm mẫu là Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc (NPCETC1) sẽ tiến hành lấy mẫu thử nghiệm trước sự chứng kiến của bên A (số lượng và chủng loại mẫu dây, cáp theo quy định). Việc thử nghiệm sẽ được tiến hành tại Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc và nhà thầu sẽ chịu toàn bộ chi phí cho việc thử nghiệm trên. Kết quả thử nghiệm các mẫu dây/cáp trên sẽ là cơ sở để thực hiện nghiệm thu sản phẩm.

+ Sau khi lấy mẫu và niêm phong đúng theo quy định, có thể tiến hành việc vận chuyển và giao nhận tạm thời đến công trường. Việc giao nhận chính thức, bóc gỡ niêm phong, bàn giao cho đơn vị thi công chỉ được tiến hành sau khi có thông báo thí nghiệm đạt yêu cầu của đơn vị thí nghiệm (ETC).

+ Trường hợp thí nghiệm không đạt yêu cầu thì toàn bộ hàng hóa chủng loại đó phải được nhà cấp hàng thay thế và các bên tiến hành lấy mẫu thử nghiệm xác suất lại từ đầu đối với mặt hàng thay thế. Đối với nhà thầu thiếu năng lực hoặc chây ỳ trong việc thay thế hàng hóa kém chất lượng, có thể xem xét hủy bỏ hợp đồng theo quy định.

Kết quả thử nghiệm các mẫu cáp trên sẽ là cơ sở để hai bên tiến hành thực hiện nghiệm thu sản phẩm.

- Quy định về cắt mẫu thí nghiệm tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của EVN và NPC.

Khối lượng thuộc phạm vi cung cấp theo hợp đồng không bao gồm khối lượng phục vụ công tác lấy mẫu, công tác lấy mẫu và cắt mẫu cụ thể như sau:

+ Khối lượng cáp lấy mẫu phục vụ công tác thí nghiệm **Bước 1** (Thí nghiệm xuất xưởng) do nhà cấp hàng thực hiện trong quá trình sản xuất.

+ Khối lượng cáp lấy mẫu phục vụ công tác thí nghiệm **Bước 2** (Thí nghiệm mẫu tại ETC1) sẽ do bên mua xác định cụ thể tại các rulô bất kỳ trong quá trình thông báo khối lượng hàng hóa sản xuất và giao hàng cho từng đợt. Khối lượng cắt mẫu (06m/mẫu) và số lượng mẫu thực hiện theo quy định của EVNNPC.

Khối lượng được lấy mẫu thử nghiệm theo các bước thử nghiệm kể trên không nằm trong khối lượng bên mua cung cấp và thanh toán theo hợp đồng.

Các chi phí cho khối lượng mẫu thực hiện thí nghiệm kể trên cũng như chi phí thử nghiệm (trừ chi phí thử nghiệm tại bước 3) phục vụ nghiệm thu bàn giao do bên nhận thầu và đã bao gồm trong đơn giá hợp đồng.

- Việc thực hiện lấy mẫu và thử nghiệm nghiệm thu đều được thực hiện đầy đủ đối với mỗi nhà sản xuất cho từng đợt sản xuất và giao hàng đối với từng nhà sản xuất theo tiến độ được cung cấp.

***Đối với phụ kiện đấu nối:**

Khi tiếp nhận hàng hoá, Bên A và Bên B sẽ tiến hành lấy mẫu để thử nghiệm tại một Đơn vị thử nghiệm độc lập (Quatest, Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc, ...) dưới sự chấp thuận của Bên A để chứng minh hàng giao đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng. Bên A có quyền yêu cầu trực tiếp chứng kiến công tác thử nghiệm này.

Số lượng mẫu thử như sau:

Số lượng mẫu thử (p)	Số lượng của một lô (n)	Hạng mục thử
p=1	$n < 50$	i
p=1	$50 \leq n < 100$	i, ii, iii
p=2	$100 \leq n < 200$	i, ii, iii
p=3	$200 \leq n < 500$	i, ii, iii
p=4	$500 \leq n$	i, ii, iii

Số lượng sản phẩm dùng cho thử nghiệm nghiệm thu không bao gồm trong số lượng sản phẩm được cung cấp trong bảng phạm vi cung cấp của hồ sơ mời thầu/hợp đồng. Tất cả các chi phí kiểm tra và thử nghiệm bao gồm trong giá chào.

Nếu có hai hoặc hơn hai mẫu thử nào đó không đạt yêu cầu coi như lô hàng không đạt yêu cầu thử nghiệm nghiệm thu và bên A sẽ có quyền từ chối không nhận hàng mà không chịu bất kỳ một phí tổn nào.

Nếu chỉ một mẫu thử không đạt yêu cầu, thì việc lấy mẫu thử nghiệm lại sẽ được thực hiện lại trên các mẫu mới với số lượng gấp đôi số lượng lần lấy đầu tiên.

Nếu có một hoặc hơn một mẫu thử nào đó không đạt yêu cầu sau lần thử nghiệm lại thì coi như lô hàng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng.

Các hạng mục thử nghiệm bao gồm như sau:

- i) Kiểm tra ngoại quan, đo kích thước
- ii) Độ tăng nhiệt khi mang dòng định mức (Temperature rise)
- iii) Đo điện trở tiếp xúc (Measurement of contact resistance)

*** Đối với tủ điều khiển LBS:**

*) Hạng mục thử nghiệm và số lượng lấy mẫu tủ điều khiển LBS:

	Số lượng mẫu tủ điều khiển LBS: - Lấy tối thiểu 01 mẫu LBS/hợp đồng để thực hiện thí nghiệm nghiệm thu, trong trường hợp mẫu thí nghiệm không đạt, tiếp tục lấy bổ sung thêm 01 mẫu để thử nghiệm, nếu tiếp tục thử nghiệm không đạt thì hàng hóa được đánh giá là không đạt tiêu chuẩn. - Cho phép áp dụng mẫu thử nghiệm tủ điều khiển RE cùng một hãng và cùng một model tủ điều khiển, cùng chủng loại role điều khiển bảo vệ đã được Công ty Điện lực trực thuộc EVNNPC lấy mẫu, thí nghiệm, nghiệm thu tốt trước đó trong vòng 12 tháng tính đến ngày lấy mẫu thiết bị để làm căn cứ để nghiệm thu. Yêu cầu về hạng mục thử nghiệm - Thử nghiệm môi trường khô, nóng (Dry heat test): IEC 60068-2-2 hoặc tiêu chuẩn TCVN tương đương với giá trị thử nghiệm tối thiểu: 700C trong thời gian 16h - Thử nghiệm môi trường nóng, ẩm (Damp heat test): IEC 60068-2-30 hoặc các tiêu chuẩn TCVN tương đương với giá trị thử nghiệm tối thiểu: 450C, độ ẩm 90%, số chu kỳ: 1 (12h+12h) - Sau khi kết thúc hạng mục thử nghiệm điều kiện môi trường: Yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm tất cả các tính năng của tủ điều khiển RE/LBS để khẳng định thiết bị vẫn hoạt động bình thường - Sau khi kết thúc hạng mục thử nghiệm điều kiện môi trường: Yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm tất cả các tính năng của thiết bị Router/Modem, Switch công nghiệp để khẳng định thiết bị vẫn hoạt động bình thường. Công tác thí nghiệm hiệu chỉnh vật tư thiết bị sau lắp đặt được quy định như sau: Đối với các hạng mục như thí nghiệm tiếp địa đường dây, thí nghiệm tiếp địa trạm, thí nghiệm tiếp địa lặp lại, thí nghiệm cáp ngầm, thí nghiệm máy biến áp tại bộ hay các hạng mục thí nghiệm vật tư, thiết bị khác được thực hiện sau khi lắp đặt thì nhà thầu thi công phải có kế hoạch thông báo bằng văn bản cho bên A tối thiểu trước 07 ngày: cụ thể thời gian và địa điểm thực hiện công tác thí nghiệm để bên A bố trí đơn vị thí nghiệm tiến hành thí nghiệm theo quy định. - Đơn vị thực hiện thí nghiệm là: Trung tâm thí nghiệm điện Hải Phòng – Công ty Điện lực Hải Phòng. Địa chỉ : Khu liên cơ An Lạc, đường 5 mới, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: <i>Cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng</i> Giá hợp đồng: <i>Cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng</i> <i>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì chọn phương pháp bù trừ trực tiếp hoặc phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều chỉnh trên cơ sở áp dụng chỉ số giá. Phương pháp điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định rõ trong hợp đồng.</i> - Trường hợp áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra: <i>Chủ đầu tư đưa ra các nội dung để xác định giá trị thanh toán trên cơ sở kết quả đầu ra như sau:</i> + <i>Yêu cầu về chất lượng đầu ra và mức độ chất lượng có thể chấp nhận được;</i> + <i>Biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của dịch vụ do nhà thầu cung cấp (ví dụ lấy mẫu phân tích);</i> + <i>Mức độ giảm trừ thanh toán hoặc tăng giá trị thanh toán theo kỳ thanh toán;</i> + <i>Các nội dung cần thiết khác.</i> + <i>Mức độ giảm trừ thanh toán hoặc tăng giá trị thanh toán theo kỳ thanh toán;</i> + <i>Các nội dung cần thiết khác.</i>
E-ĐKC 42.1	Tạm ứng: Việc tạm ứng cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây: - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức: Chuyển khoản. - Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: + Đơn xin tạm ứng của Nhà thầu: + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: + Bảo lãnh trả trước do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng (Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang phải có hiệu lực đến khi thu hồi hết tiền tạm ứng + Chứng nhận bảo hiểm vật tư máy móc thi công; bảo hiểm tự nguyện dân sự đối với người thứ 3 + hợp đồng bảo hiểm. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng thanh toán nghiệm thu gói thầu đạt đến 80% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng

	Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.
E-ĐKC 44.1	Thanh toán: 90 % giá trị khối lượng hoàn thành trước thuế và 100% thuế VAT trong vòng 30 ngày theo giai đoạn thanh toán trên cơ sở đơn giá hợp đồng và khối lượng nghiệm thu của từng giai đoạn thanh toán (bao gồm cả giá trị tạm ứng), sau khi bên B cung cấp đủ các tài liệu sau: + Công văn đề nghị thanh toán: + Hóa đơn GTGT: + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo phụ lục xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn có đại diện Bên A và đại diện bên B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): + Các hồ sơ pháp lý liên quan. - Đối với VTTB: + Hồ sơ Chứng chỉ chất lượng, số lượng của hàng hóa (C0/CQ); Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất/nước xuất khẩu cấp (C/O) “đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài”, vận đơn sạch(nếu có); + Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất: áp dụng với các hạng mục: dây dẫn, chuỗi sứ + Biên bản nghiệm thu VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B + Biên bản giao nhận VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B - Đối với phần xây lắp và lắp đặt:

	+ Biên bản nghiệm thu VTTB trước khi đưa đi lắp đặt + Hồ sơ chất lượng + Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu công việc và hồ sơ pháp lý kèm theo. Thanh toán 10 % giá trị hợp đồng còn lại: + 05 % giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện công trình, có hồ sơ quyết toán giá trị và Nhà thầu phát hành Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng. + 05 % còn lại được thanh toán cho Nhà thầu sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và hai bên thanh lý hợp đồng Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số lần thanh toán: Số lần thanh toán giai đoạn: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu thực hiện thanh toán giai đoạn tối đa không quá 3 lần cụ thể như sau: Lần 1 và lần 2: thực hiện thanh toán trong giai đoạn triển khai thi công Lần 3: Thực hiện thanh toán sau khi đã nộp hồ sơ quyết toán gói thầu. Nhà thầu phải đăng ký (bằng văn bản) kế hoạch, thời điểm, giá trị giải ngân gửi Chủ đầu tư trước thời điểm đề nghị giải ngân ít nhất 40 ngày. Nếu nhà thầu không đảm bảo kế hoạch giải ngân theo đăng ký thì sẽ chuyển sang thanh toán tại lần giải ngân tiếp theo hoặc tại thời điểm quyết toán dự án.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: ____ <i>[ghi tỷ lệ phần trăm]</i> <i>[số tiền giữ lại thường xấp xỉ 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp].</i>
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: - Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký - Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng - Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng - Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp có những điều chỉnh trên 2 bên phải thỏa thuận, thống nhất và ký kết phụ lục hợp đồng điều chỉnh, bổ sung

E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % <i>[nếu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%]</i> giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: - Đối với VTTB cung cấp cho gói thầu: - Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 2% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng. - Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành. - Đối với phần xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: - Phạt 1 % giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần; - Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 1 % giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 1% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt. - Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3. - Phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán: Trong trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình Chủ đầu tư thẩm tra, thẩm định phê duyệt thì Chủ đầu tư có quyền xem xét xử phạt nhà thầu vi phạm thời gian chậm nộp hồ sơ quyết toán của nhà thầu. Mức Phạt được quy định phạt 0,1 % giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm nộp hồ sơ quyết toán. Nhưng tổng số tiền phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán không quá 5% giá trị của Hợp đồng. - Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý. - Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng,

	tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 90 ngày kể từ ngày kể từ ngày có thông báo khởi công công trình
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Bên B phải nộp bản vẽ hoàn công cho cả công trình là 15 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Nếu Chủ đầu tư không nhận được hoặc tài liệu không phù hợp Nhà thầu sẽ phải chịu các chi phí phát sinh.
E-ĐKC 55.2	Tổng số tiền giữ lại vì không nộp BVHC vào ngày yêu cầu là 5.000.000 VNĐ cho mỗi ngày chậm trễ (<i>tính bằng 0,1% giá gói thầu cho mỗi ngày chậm</i>)
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.